

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 666/2018/HSPT
Ngày 29 tháng 11 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Đặng An Thanh

Ông Phan Đức Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đỗ Hồng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 349/2018/TLPT-HS ngày 27 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Thái T do có kháng cáo của bị cáo, của các bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 13/2018/HS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Thái T; sinh năm 1983; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 17/9, đường L, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ; Chỗ ở: Số 12 - 14A6, Khu dân cư Hưng Phú, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ; Nghề nghiệp: Mua bán xe; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Cha: Nguyễn Thái H (chết); Mẹ: Ngô Kim H, sinh năm 1958 (sống); Anh ruột có 02 người (lớn sinh năm 1977, nhỏ sinh năm 1981); Vợ: Lý Ngọc T, sinh năm 1991; Con: Nguyễn Trường T, Sinh năm: 2015; Tiền sự, tiền án: Chưa; Bị can đầu thú ngày 06/11/2016 và bị tạm giam đến nay (có mặt).

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo: Luật sư Mai Công N – Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ (có mặt).

- Các bị hại:

1/ Trần Công Uy V; sinh năm 1975

Trú tại: Số 95 đường Nguyễn Trãi, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (có mặt).

2/ Nguyễn Anh Đ; sinh năm 1976

Trú tại: Số 31 đường Hai Bà Trưng, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

3/ Trần Thị Thúy H; sinh năm 1976

Trú tại: Số 31 đường Hai Bà Trưng, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

4/ Nguyễn Thị H; sinh năm 1974

Trú tại: Số 314 Khu đô thị Kỳ Bá, thành phố T, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

5/ Lê Văn H; sinh năm 1971

Trú tại: Số 314 Khu đô thị Kỳ Bá, thành phố T, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

6/ Lê Văn S; sinh năm: 1985

Trú tại: Số 287 đường Trần Phú, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

7/ Nguyễn Tấn T, Sinh năm 1969

Trú tại: Số 41 đường Dã Tượng, phường 10, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

8/ Thái Minh H; Sinh năm 1969

Trú tại: Số 311/30 đường Nguyễn Văn Cừ, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

9/ Trần Tuấn A; Sinh năm 1971

Trú tại: Số 10 đường Kỳ Đồng, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

10/ Nguyễn Văn B; Sinh năm 1962

Trú tại: Số 32B5 Khu dân cư Hưng Phú, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

11/ Nguyễn Minh P; Sinh năm 1970

Trú tại: Khóm 2, phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

12/ Chim Văn C; Sinh năm 1965

Trú tại: Số 13/1 Quang Trung, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

13/ Châu Hòa B; Sinh năm 1975

Trú tại: Số 44/9 đường Nguyễn Huệ, phường 22, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho ông Bình: Luật sư Võ Thanh T (có mặt).

14/ Hồ Trung N; Sinh năm 1967

Trú tại: Số 213/9, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Trần Văn V; Sinh năm 1967

Trú tại: Số 116/54B đường Cách Mạng Tháng Tám, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

2/ Võ Văn T; Sinh năm 1983

Trú tại: Số 24/2/10 đường Võ Thị Sáu, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

3/ Trương Thị Thùy T (Vợ ông T); Sinh năm 1983

Trú tại: Số 24/2/10 đường Võ Thị Sáu, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

4/ Lý Thị Hồng N (Vợ ông Hồ Trung N); Sinh năm 1978

Trú tại: Số 213/9 đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

5/ Lê Gia T; Sinh năm 1983

Trú tại: Số 41 đường B9, Khu dân cư 91B, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

6/ Chung Quốc P; Sinh năm 1980

Trú tại: Số 2/13/12 đường Lý Tự Trọng, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

Chỗ ở: B11/29 QL50, xã B, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

7/ Nguyễn Tấn V; Sinh năm 1993

Trú tại: Số 98 thôn 1, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông (vắng mặt).

8/ Nguyễn Văn T; Sinh năm 1975

Trú tại: Thôn Chi Long, xã N, huyện Y, tỉnh Hưng Yên (vắng mặt).

9/ Nguyễn Ngọc T; Sinh năm 1973

Trú tại: Số 151/158A Trần Hoàng Na, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

10/ Lý Ngọc T; Sinh năm 1991

Trú tại: Số 130B5, khu vực 8, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

11/ Dương Văn Đ; Sinh năm 1969

Trú tại: Số 18 Nguyễn Hữu Trí, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

12/ Lý Ngọc H; Sinh năm 1963

Trú tại: Số 130B5, khu vực 8, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

13/ Thái Hoàng Thanh T

Trú tại: Số 130B5 khu vực 8, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

14/ Trần Thanh T; Sinh năm 1977

Trú tại: Số 101 Võ Văn Tàn, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

15/ Phan Ngọc T; Sinh năm 1980

Trú tại: Khu vực Phú Khánh, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

16/ Phan Thanh Q; Sinh năm 1968

Trú tại: Số 33/11A khóm Đông Thạnh, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (vắng mặt).

17/ Bùi Thanh S; Sinh năm 1981

Trú tại: Số 25 Nguyễn Văn Trỗi, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt).

18/ Đại diện Công ty Cổ phần đầu tư thương mại dịch vụ Sài Gòn Ô Tô C

Địa chỉ: Lô 11C Đường Võ Nguyên Giáp, Phường P, quận C, Thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

19/ Đại diện Công ty Cổ phần Ô tô N

Địa chỉ: Lô E1-1, Võ Nguyên Giáp, Phường P, quận C, Thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

20/ Đại diện Công ty Ô Tô T

Địa chỉ: Đường Quang Trung, khu dân cư Hưng Phú 1, Phường H, quận C, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

21/ Lê Văn H; sinh năm 1971 & Nguyễn Thị Mỹ Linh; sinh năm 1977

Cùng trú tại: Khu vực 6, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

22/ Phạm Nam H; sinh năm 1971 & Trần Khả Thanh; sinh năm 1978

Cùng trú tại: Số 61B1 Lý Tự Trọng, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

23/ Trần Phương L; sinh năm 1978

Trú tại: Số 95 Nguyễn Trãi, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

24/ Đại diện đại lý Mazda V

Trú tại: Số 82, ấp Tân Thuận An, xã T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

25/ Đại diện Ngân hàng Công thương – Chi nhánh T

Địa chỉ: Lô 30A9, Khu Công Nghiệp Trà Nóc 1, Đường Trục Chính, Phường T, Quận B, thành phố Cần Thơ.

Đại diện ủy quyền: Ông Trần Phạm T (có mặt).

26/ Ngô Hoàng N; sinh năm 1981

Cùng trú tại: Số 227 Nguyễn Văn Linh, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

27/ Phan Minh T; sinh năm 1988

Trú tại: Ấp Phú Trường, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

28/ Đại diện Công ty TNHH TOYOTA C

Địa chỉ: K2-0, Võ Nguyên Giáp, KV. Thạnh Thuận, Phường P, quận C, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

29/ Nguyễn Thị Triệu N (Vợ Châu Hòa B; sinh năm 1985)

Trú tại: Số 44/9 Nguyễn Huệ, phường 22, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

30/ Nguyễn Thanh N

Trú tại: Ấp Phụng Tường 2, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2015, Nguyễn Thái T làm nghề mua bán xe ô tô cũ nhưng không đăng ký kinh doanh. Trong quá trình kinh doanh bị thua lỗ, nợ nhiều người nên đến tháng 8/2016, T nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của người khác bằng thủ đoạn nói mua xe với giá rẻ từ các công ty TNHH TOYOTA C, Công ty cổ phần ô tô Trường Hải - Chi nhánh C, Công ty cổ phần đầu tư thương mại dịch vụ Sài Gòn Ô tô C, Công ty cổ phần Nam Sông Hậu, công ty TNHH TOYOTA B có giấy tờ hợp lệ làm cho nhiều người tin tưởng đặt tiền cọc cho T để mua xe ô tô nhưng khi nhận được tiền cọc, T mua xe, bán lại với giá rẻ hơn giá của các công ty để giao lại cho bị hại nhằm mục đích lấy tiền của người sau, mua xe giao cho người đặt cọc trước hoặc trả tiền phạt cọc cho người đặt cọc trước do vi phạm hợp đồng và chi phí khác, số tiền còn lại T chiếm đoạt của 13 người bị hại, với số tiền là 35.263.000.000 đồng (*Ba mươi lăm tỷ, hai trăm sáu mươi ba triệu đồng*), cụ thể như sau:

Vụ 1: Chiếm đoạt của anh Trần Công Uy V, số tiền 7.593.000.000 đồng (Bảy tỷ năm trăm chín mươi ba triệu đồng)

Do có mối quan hệ mua bán xe, trước đó anh Trần Công Uy V đã nhiều lần mua xe giá rẻ của T nên không biết T dùng thủ đoạn gian dối, nói có xe giá rẻ để anh Trần Công Uy V tin tưởng đặt tiền cọc mua xe nhằm chiếm đoạt tiền đặt cọc, từ ngày 10/9/2016 đến tháng 10/2016, anh V đặt cọc mua tổng số 68 xe ô tô nhưng T không giao xe gồm 02 xe Honda CRV, 23 xe Camry, 24 xe Fortuner, 01 xe Innova, 06 xe Land V8, 01 xe Hilux, 01 xe Lexus và 10 xe Ford Ranger, với tổng số tiền cọc T đã chiếm đoạt của anh V là 12.100.000.000 đồng.

T trả tiền đặt cọc 09 xe gồm 05 xe Land V8, 03 xe Lexus, 01 xe Lamborghini, trong đó có 08 xe phải trả thêm 50% trên số tiền đặt cọc với tiền bồi thường là 1.650.000.000 đồng.

Trước khi T bỏ trốn, T thỏa thuận giao nhà và đất tại địa chỉ 12 - 14, khu dân cư Hưng Phú, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ cho anh V để cầm trừ số tiền 2.707.000.000 đồng. Vào ngày 03/11/2016 khi T đang bỏ trốn, T chuyển khoản trả cho anh V, số tiền 1.800.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền T đã trả lại cho anh V và cầm trừ tiền bán nhà đất là 4.507.000.000 đồng, số tiền T chiếm đoạt của V là 7.593.000.000 đồng (*Bảy tỷ năm trăm chín mươi ba triệu đồng*).

Vụ 2: Chiếm đoạt của anh Nguyễn Anh Đ, và vợ là chị Trần Thị Thúy H, số tiền 850.000.000 đồng (Tám trăm năm mươi triệu đồng).

Vào ngày 23/8/2016, chị Trần Thị Thúy H đặt tiền cọc cho T số tiền 540.000.000 đồng để mua 02 chiếc Toyota Altis 2.0. Đến khoảng tháng 9/2016, anh Đức, chị Trần Thị Thúy H nhiều lần đặt cọc mua xe tổng cộng là 1.450.000.000 đồng, sau đó T bán các xe này và tự tính tiền lời từ việc bán xe mà anh Đ, chị Trần Thị Thúy H đã đặt cọc là 1.550.000.000 đồng.

Tiếp tục T nói có một lô 05 xe Camry để anh Nguyễn Anh Đ, chị Trần Thị Thúy H đặt cọc số tiền trên là 3.000.000.000 đồng.

Đến ngày 20/10/2016, T giao cho anh Nguyễn Anh Đ một chiếc xe Peugeot 508 màu trắng để cản trừ 600.000.000 đồng, sau đó T bỏ trốn.

Tổng số tiền T chiếm đoạt của vợ chồng anh Đ, chị Trần Thị Thúy H là 1.450.000.000 đồng, cản trừ 600.000.000 đồng để mua xe Peugeot. Anh Đ, chị Trần Thị Thúy H yêu cầu T trả số tiền 850.000.000 đồng (Tám trăm năm mươi triệu đồng) mà T đã chiếm đoạt.

Vụ 3: Chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị H, số tiền 1.190.000.000 đồng (Một tỷ một trăm chín mươi triệu đồng).

Cũng với thủ đoạn gian dối của T, từ tháng 8 đến 9/2016, chị Nguyễn Thị H nhiều lần chuyển cho T, số tiền 1.890.000.000 đồng để đặt mua 01 xe Camry 2.5Q và 01 xe Camry 2.0E. Đến giữa tháng 10/2016, do không có xe nên T trả lại cho chị Nguyễn Thị H, số tiền 700.000.000 đồng thông qua anh Nguyễn Anh Đ. T chiếm đoạt 1.190.000.000 đồng (Một tỷ một trăm chín mươi triệu đồng).

Vụ 4: Chiếm đoạt của anh Lê Văn H, số tiền 1.440.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm bốn mươi triệu đồng).

Vào ngày 03/10/2016, anh H hỏi T giá xe Honda Odesy, T báo giá xe là 1.400.000.000 đồng, rẻ hơn giá chính hãng 500.000.000 đồng nếu trả hết một lần thì T sẽ mua dùm nhưng phải đưa thêm 40.000.000 đồng là tiền hoa hồng mà T, ông Dương Văn Đ và anh V được hưởng. Sau đó, anh H kêu vợ là chị Nguyễn Thị Mỹ L chuyển số tiền 1.440.000.000 đồng vào tài khoản của T tại Ngân hàng Sacombank. Sau đó, T bỏ trốn, chiếm đoạt số tiền 1.440.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm bốn mươi triệu đồng).

Vụ 5: Chiếm đoạt của anh Lê Văn S, số tiền 5.750.000.000 đồng (Năm tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng).

Từ ngày 17/10/2016 đến ngày 26/10/2016, anh S đã đặt cọc cho T nhiều lần với số tiền 7.340.000.000 đồng để mua 75 xe Mazda 3; 02 xe Toyota Fortuner đời 2017. Tuy nhiên, T chỉ giao được 03 xe Mazda 3 tương đương số tiền là 1.590.000.000 đồng, anh S bị T lừa đảo chiếm đoạt số tiền 5.750.000.000 đồng (Năm tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng).

Vụ 6: Chiếm đoạt của anh Nguyễn Tấn T, số tiền 2.040.000.000 đồng (Hai tỷ không trăm bốn mươi triệu đồng).

Anh Nguyễn Tấn T nhiều lần mua xe ô tô của Trần Công Uy V nên quen biết T, trong tháng 10/2016, anh T đặt cọc mua của T 03 chiếc Mazda 3, số tiền 1.510.000.000 đồng và 01 chiếc Mazda 3 (loại 5 cửa), với giá 530.000.000 đồng, sau đó T bỏ trốn chiếm đoạt của anh Nguyễn Tấn T số tiền là 2.040.000.000 đồng (Hai tỷ không trăm bốn mươi triệu đồng).

Vụ 7: Chiếm đoạt của ông Thái Minh H, số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Ngày 18/9/2016, ông Thái Minh H đặt cọc cho T, số tiền 200.000.000 đồng để mua 01 xe ô tô hiệu Toyota Fortuner, sau đó T bỏ trốn, chiếm đoạt của ông Thái Minh H, số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Vụ 8: Chiếm đoạt của anh Trần Tuấn A, số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng).

Từ ngày 08/10/2016 đến ngày 10/10/2016, anh Trần Tuấn A đặt cọc cho T 02 lần, số tiền 400.000.000 đồng để mua 02 xe Toyota Camry 2.5Q, T hẹn sau 30 ngày giao xe sau đó bỏ trốn, chiếm đoạt của anh Trần Tuấn A số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng).

Vụ 09: Chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn Bá, số tiền 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng).

Từ ngày 17/6/2016 đến ngày 02/9/2016, ông Nguyễn Văn B nhiều lần đặt cọc cho T, với số tiền 1.200.000.000 đồng để mua xe ô tô Toyota Camry 2.5Q, lúc này T không còn khả năng mua xe, T dùng thủ đoạn bán lại kiếm lời để ông B tin tưởng chiếm đoạt của ông B, số tiền 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng).

Vụ 10: Chiếm đoạt của anh Nguyễn Minh P, số tiền 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng).

Do có quen biết với T nên khi T giới thiệu dự án xây dựng hàng rào của bệnh viện Medic Sài Gòn tại Cần Thơ, vào ngày 18/5/2016 anh P có đưa cho T, số tiền 500.000.000 đồng để hùn góp vốn. Sau đó, thỏa thuận chuyển sang đặt cọc mua 01 chiếc xe Toyota Fotuner đời 2016.

Đến tháng 8/2016, anh P tiếp tục đưa thêm cho T số tiền 200.000.000 đồng. T thuê xe của anh Võ Văn T cho anh P làm phương tiện đi lại. Sau đó, giao cho anh Phụng một xe ô tô Fortuner đời 2016. Do phải giao xe cho nhiều người nên T dùng thủ đoạn gian dối nói có dòng xe mới sẽ giao cho anh P sau rồi lấy xe trên giao cho

người khác sau đó bỏ trốn, chiếm đoạt của anh P, số tiền là 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng).

Vụ 11. Chiếm đoạt của ông Chim Văn C, số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng).

Ngày 20/10/2016, ông C đến quán cà phê T3 của T đặt cọc mua 03 chiếc Mazda 3, với số tiền là 300.000.000 đồng, đến khoảng 16 giờ cùng ngày ông C tiếp tục chuyển khoản cho T, số tiền 300.000.000 đồng. Sau đó, T bỏ trốn, chiếm đoạt của ông C, số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng).

Vụ 12: Chiếm đoạt của anh Châu Hòa B, số tiền 13.000.000.000 đồng (Mười ba tỷ đồng).

Từ ngày 15/10/2016 đến ngày 31/10/2016, anh Châu Hòa B đã đặt cọc cho T nhiều lần, với số tiền là 2.800.000.000 đồng để mua 02 Fortuner, 01 Camry, 20 Mazda CX5, 05 xe Mazda 3 và trả đủ nhiều lần, với số tiền là 10.200.000.000 đồng để mua 02 xe Mazda 2, 15 xe Mazda 3, 02 xe Mazda CX5. Tuy nhiên, T không giao xe mà bỏ trốn, chiếm đoạt của anh B 13.000.000.000 đồng (Mười ba tỷ đồng).

Vụ 13: Chiếm đoạt của ông Hồ Trung N, số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

Vào ngày 02/10/2016, ông Hồ Trung N nhận tiền của ông Phan Thanh Q, số tiền 300.000.000 đồng đặt cọc cho T mua 01 xe Toyota Camry 2.0E, giá 850.000.000 đồng và bán lại cho ông Q với giá 880.000.000 đồng, T đã nhận tiền đặt cọc, hứa hẹn giao xe nhưng sau đó bỏ trốn, chiếm đoạt của ông Nghĩa số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Hiện ông N đã trả lại cho ông Q số tiền 50.000.000 đồng, còn nợ 250.000.000 đồng.

Kết quả xác minh tại các cửa hàng bán xe cho T kết quả:

Công ty cổ phần ô tô Trường Hải - Chi nhánh C (đơn vị phân phối xe Mazda và Peugeot) được biết giá xe công ty bán cho Nguyễn Thái T là đúng giá quy định, không bán xe giá rẻ cho T, người đứng tên trên hợp đồng, hóa đơn là do T cung cấp.

Công ty cổ phần đầu tư thương mại dịch vụ Sài Gòn Ô tô C (đơn vị phân phối xe Ford tại Cần Thơ) được biết giá xe công ty bán cho Nguyễn Thái T là đúng giá quy định, người đứng tên trên hợp đồng, hóa đơn là do T cung cấp. Từ tháng 7/2016 đến tháng 11/2016 công ty xuất bán cho Trường 11 xe Ford Ranger.

Công ty cổ phần N (đơn vị cung cấp xe Honda tại Cần Thơ) được biết giá xe công ty bán cho Nguyễn Thái T là đúng giá quy định, người đứng tên trên hợp đồng, hóa đơn là do T cung cấp. Từ tháng 8/2016 đến tháng 11/2016 có bán cho T

khoảng 10 xe ô tô trong đó có 02 chiếc Honda Accord và khoảng 08 chiếc Honda CRV.

Cửa hàng Toyota Cần Thơ có văn bản trả lời, kể từ ngày 07/5/2016 cho đến ngày 24/10/2016, T mua tổng số 74 chiếc ô tô, trong đó T đứng tên hoặc cá nhân, tổ chức khác đứng tên mua. Việc bán xe cho T là đúng với giá ghi trong hợp đồng.

Trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra xác định các khoản nợ mượn liên quan đến việc mua bán xe của T đối với Hồ Trung N, số tiền 2.225.000.000 đồng; Trần Văn V, số tiền 500.000.000 đồng; Võ Văn T, số tiền 224.000.000 đồng; Lý Thị Hồng N, số tiền 2.100.000.000 đồng; Châu Hòa B, số tiền 600.000.000 đồng không có dấu hiệu phạm tội nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ một số tài sản gồm tiền (606.000.000 đồng; 700 đôla Mỹ; trên 50.000.000 đồng trong tài khoản ngân hàng đứng tên của T) và các đồ vật, tài liệu khác có liên quan đến vụ án do T, các đương sự giao nộp và thu giữ trong quá trình khám xét nơi ở.

Đối với đối tượng tên H trong việc T mua xe giá rẻ; đối tượng tên T trong việc xây dựng dự án hàng rào Bệnh viện, do chưa rõ tên thật và địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra sẽ tiếp tục xác minh làm rõ đề nghị xử lý sau.

Đối với Trần Công Uy V, Dương Văn Đ, Châu Hòa B, Hồ Trung N đã nhận tiền đặt cọc của người người khác để mua xe của T và bán lại, do không biết T dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền đặt cọc nên không xem xét trách nhiệm hình sự.

Ngày 05/11/2016, Nguyễn Thái T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố Cần Thơ đầu thú.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thừa nhận nội dung truy tố của Cáo trạng, chấp nhận dùng tài sản cá nhân đã bị tạm giữ và các tài sản khác có liên quan để khắc phục hậu quả cho các bị hại.

Các bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt thống nhất với nội dung Cáo trạng đã quy kết, yêu cầu buộc bị cáo bồi thường thiệt hại đối với số tiền đã chiếm đoạt. Đồng thời yêu cầu làm rõ về các hành vi chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nhà, tài sản đầu tư trên mặt bằng thuê là Quán cà phê T3 tại Khu dân cư Hưng Phú, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ vì có dấu hiệu tẩu tán tài sản trước và trong khi bị cáo ra đầu thú để đảm bảo việc khắc phục hậu quả công bằng cho các bị hại.

Đại diện của bị hại Nguyễn Minh P yêu cầu xem xét thêm phần xe ô tô hiệu Ford Ranger biển kiểm soát 65C – 07727 bị cáo đã thế chấp để vay tài sản tại Ngân hàng Công thương Việt Nam chi nhánh Tây Đô – đây là tài sản bị cáo mua từ tiền

chiếm đoạt của các bị hại nên cần thu hồi để xử lý nhằm khắc phục chung cho các bị hại.

Ông Hồ Trung N trình bày ông đưa cho bị cáo mua bán nhiều hàng hóa, có cả mua bán dây cáp, mua bán xe và bị cáo đã dùng khoản tiền ông đưa để mua đất xây nhà, xây quán cà phê T3. Trong những tài sản mà bị cáo có được là từ nguồn tiền do lừa đảo người khác mà có nên cần xem xét thu hồi các tài sản bị cáo đã sang bán trong thời gian bỏ trốn và ra đầu thú để đảm bảo việc khắc phục hậu quả cho người bị hại. Đồng thời, trong quá trình điều tra và đối chất với bị cáo đã xác định tổng số tiền bị cáo đã nhận và chiếm đoạt của vợ chồng ông là 2.225.000.000 đồng nhưng Cáo trạng quy kết bị cáo chỉ chiếm đoạt của ông 300.000.000 đồng là không đúng. Yêu cầu buộc bị cáo bồi thường đầy đủ số tiền đã chiếm đoạt theo kết quả đối chất.

Ông Trần Công Uy V thừa nhận nội dung Cáo trạng đã quy kết hành vi của bị cáo và kết luận về số tiền ông bị chiếm đoạt là đúng. Việc vợ bị cáo chuyển nhượng căn nhà tại Khu dân cư Hưng Phú là thỏa thuận cần trừ nợ của bị cáo với ông. Đối với thửa đất tại Cồn Khương, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ ông và bị cáo có hùn mua với giá 11 tỷ đồng nhưng ông đã hùn 7 tỷ, phần còn lại bị cáo hùn bằng cách vay tiền của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển chi nhánh Hậu Giang nhưng bị cáo chỉ đứng tên, không thực sự chi trả tiền nhận chuyển nhượng đất nên sau đó đã ủy quyền lại để ông V chuyển nhượng cho người khác, không liên quan đến quyền lợi của bị cáo.

Ông Bùi Thanh S yêu cầu xem xét vai trò của Trần Công Uy V trong việc biết rõ bị cáo không có vốn và nguồn xe ô tô giá rẻ để bán nhưng khi nhóm của ông Châu Hòa B, ông S đến giao tiền đặt cọc vẫn khẳng định bị cáo có nguồn xe để bán. Khi bị cáo bị bắt ở Nha Trang thì ông V cũng có mặt đi cùng xe để di lý về chứ không phải bị cáo ra đầu thú.

Đại diện Ngân hàng Công thương Việt nam Chi nhánh C xác định có ký về hợp đồng tín dụng cho vợ chồng bị cáo vay tiền có thể chấp xe ô tô Ford Ranger biển số 65C – 077.27 ngày 24.9.2016 có đăng ký giao dịch bảo đảm. Hiện nay dư nợ của bị cáo là 845.964.872 đồng nhưng kết quả thẩm định giá tài sản vào ngày 23.01.2017 xác định xe ô tô trên giá trị chỉ còn 728.885.000 đồng không đủ để thu hồi nợ. Đề nghị áp dụng Thông tư liên tịch số 06/1998/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BCA – BTP ngày 24.10.1998 về xử lý vật chứng, tài sản bị kê biên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự cho Ngân hàng được tự xử lý tài sản thế chấp trên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2018/HS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2018, Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thái T phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 139, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 41, 42 Bộ luật Hình sự; Điều 28, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 138, 169, 604, 605, 608 Bộ luật dân sự.

Xử phạt: Nguyễn Thái T 20 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06.11.2016.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định

Ngày 23/5/2018 bị cáo T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 14/5/2018 bị hại Châu Hòa B kháng cáo yêu cầu trả lại khoản tiền hơn 1,8 tỷ đồng, yêu cầu xử lý tài sản của bị cáo T để khắc phục hậu quả.

Ngày 28/5/2018 bị hại Hồ Trung N kháng cáo yêu cầu trả lại khoản tiền hơn 4 tỷ đồng, yêu cầu xử lý tài sản của bị cáo để khắc phục hậu quả.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thái T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm án với lý do: án sơ thẩm xử phạt quá nặng, gia đình bị cáo là gia đình có công với cách mạng. Bị hại Châu Hòa B và Hồ Trung N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bị hại ông Châu Hòa B yêu cầu xử lý tài sản mà bị cáo T đã bỏ tiền hùn mua với ông Trần Công Uy V và buộc ông V hoàn trả lại cho ông số tiền 1.483.000.000 đồng vì khoản tiền này ông đã chuyển cho bị cáo T qua tài khoản ngân hàng Sacombank vào ngày T trốn đi Nha Trang. Đến ngày 03/11/2017, trong lúc đang bỏ trốn, T đã rút tiền này rồi chuyển cho ông Trần Công Uy V 1,8 tỷ đồng từ tài khoản Vietcombank Nha Trang.

Bị hại ông Hồ Trung N yêu cầu xử lý tài sản bị cáo đã hùn mua với ông Trần Công Uy V và yêu cầu bị cáo T trả lại 4 tỷ đồng mà ông đã cho bị cáo T mượn làm ăn, ông không đồng ý với bản án sơ thẩm về việc tách ra giải quyết bằng vụ kiện khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phát biểu như sau: sau khi phân tích tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thái T, đại diện Viện kiểm sát cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, xử phạt bị cáo T 20 năm tù là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ đặc biệt nào mới, nên không có căn cứ giảm án cho bị cáo. Đối với kháng cáo của bị hại Châu Hòa B và Hồ Trung N là không có căn cứ. Vì vậy, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị cáo và các bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo T thống nhất về tội danh Tòa án sơ thẩm đã áp dụng. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ để giảm án cho bị cáo.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị hại Châu Hòa B đưa ra các lập luận và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị hại Bình, sửa án sơ thẩm về phân trách nhiệm dân sự, thu hồi số tiền 1.483.000.000 đồng của Trần Công Uy V trả lại cho ông B và số tiền 5.500.000.000 đồng tiền bị cáo đã góp chung để mua đất với Trần Công Uy V nhằm bảo đảm cho việc thi hành án sau này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy rằng:

Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Thái T tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, lời khai của các bị hại và tang vật của vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Bị cáo Nguyễn Thái T hoạt động kinh doanh nhưng không đăng ký, chỉ thực hiện các giao dịch mua bán xe ô tô theo phương thức thuận mua vừa bán. Tuy nhiên để thu hút khách hàng, bị cáo đã lợi dụng chính sách mua sỉ để được giảm giá và bớt phụ tùng xe hoặc mua xe trung bày đã bị trầy xước bán rẻ cho khách hàng để hưởng chênh lệch. Do không đáp ứng được các tiêu chí phân phối hàng hóa trên thị trường của các nhà máy sản xuất, bị cáo đã bị từ chối cung cấp hàng từ tháng 8/2016. Mặc dù biết rõ từ tháng 8/2016 không còn mua được nguồn ô tô giá rẻ như trước đó bị cáo đã thực hiện nhưng bị cáo vẫn tiếp tục rao bán xe với giá thấp hơn giá xe chính hãng niêm yết để nhận tiền cọc của các bị hại trong khi bị cáo hoàn toàn không có năng lực về tài chính để thực hiện theo cam kết. Do kinh doanh thua lỗ, để có tiền mua xe trả nợ cho khách hàng đã đặt cọc mua xe trước đây và sử dụng vào mục đích cá nhân, bị cáo đã có thủ đoạn gian dối nhằm dùng tiền của người mua sau trả cho người mua trước. Khi không còn khả năng thanh toán thì bị cáo bỏ trốn. Bằng thủ đoạn gian dối trên bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại tổng số tiền 35.263.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Điểm a, Khoản 4, Điều 139 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người đúng tội.

Xét kháng cáo xin giảm án của bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương. Bị cáo phạm tội nhiều lần với nhiều người và chiếm đoạt số tiền đặc biệt lớn. Do đó, cần xử phạt bị cáo một mức án thật nghiêm khắc mới có tác dụng răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như thành thật khai báo, ăn năn hối cải và xử phạt bị cáo 20 năm tù là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc

thảm bị cáo có xuất trình chứng cứ gia đình bị cáo là gia đình có công với cách mạng, có chú ruột là liệt sỹ, cha được tặng thưởng huân chương kháng chiến. Tuy nhiên mức án mà cấp sơ thẩm đã xét xử là không nặng, đã có lợi cho bị cáo nên không có căn cứ giảm án cho bị cáo.

Đối với kháng cáo của bị hại ông Châu Hòa B yêu cầu thu hồi 1.483.000.000 đồng từ Trần Công Uy V để trả lại cho ông vì cho rằng nguồn tiền mà bị cáo T chuyển cho V có nguồn gốc là tiền của ông, Hội đồng xét xử thấy rằng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai nhận của bị cáo T không có căn cứ xác định số tiền mà bị cáo T chuyển cho Trần Công Uy V 1,8 tỷ đồng có 1.483.000.000 đồng tiền mà bị cáo T đã nhận từ bị hại Châu Hòa B nên kháng cáo này của ông B là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với kháng cáo của ông B và ông Hồ Trung N yêu cầu xem xét tài sản của bị cáo T là nhà đất mà bị cáo T đã hùn mua với Trần Công Uy V phải được kê biên để đảm bảo việc thi hành án. Xét thấy, đây là quan hệ dân sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm tách ra giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu, nên kháng cáo này cũng không có căn cứ chấp nhận.

Về kháng cáo của ông Hồ Trung N yêu cầu xem xét trách nhiệm hình sự của bị cáo T đối với số tiền 4 tỷ đồng mà ông đã cho bị cáo vay. Xét thấy kháng cáo này là không có căn cứ và đây là quan hệ dân sự nên Hội đồng xét xử cũng không chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm án của bị cáo Nguyễn Thái T và yêu cầu kháng cáo về trách nhiệm dân sự của bị hại Châu Hòa B, Hồ Trung N, giữ nguyên bản án sơ thẩm như vị Đại diện Viện Kiểm sát đã đề nghị.

Ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo cũng như luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Châu Hòa B là không phù hợp với nhận định trên, nên không được chấp nhận.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị hại Châu Hòa B và Hồ Trung N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo luật định.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thái T và yêu cầu kháng cáo của bị hại Châu Hòa B, Hồ Trung N. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thái T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 139, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 41, 42 Bộ luật Hình sự; Điều 28, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 138, 169, 604, 605, 608 Bộ luật dân sự.

Xử phạt: Nguyễn Thái T 20 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06.11.2016.

Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo phải bồi thường cho các bị hại như sau:

1. Châu Hòa B: 13.000.000.000 đồng
2. Hồ Trung N: 300.000.000 đồng

Tách ra giải quyết thành vụ kiện dân sự đối với giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà tại số 12 – 14 Khu dân cư Hưng Phú 1, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ và quyền sử dụng đất số CH000492 cấp ngày 15/7/2010 đối với thửa đất tọa lạc tại đường Nguyễn Văn Cừ, khu vực 3 Cồn Khương, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ do bị cáo nhận chuyển nhượng cùng ông Trần Công Uy V vào ngày 21.10.2016, sau đó chuyển nhượng lại cho ông Ngô Hoàng N ngày 08.11.2016 (ông Ninh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới vào ngày 15.11.2016 do cần phải xem xét về tính hợp pháp của thủ tục chuyển nhượng, cấp giấy chứng nhận cho bên nhận chuyển nhượng cùng với việc ủy quyền cho ông Phan Minh T vào ngày 05.11.2016. Dành quyền khởi kiện cho các đương sự đối với hai hợp đồng chuyển nhượng này nếu có yêu cầu.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí phúc thẩm:

Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí phúc thẩm.

Các bị hại ông Châu Hòa B, ông Hồ Trung N mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 001197 ngày 06/6/2018, 001200 ngày 13/6/2018 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Cần Thơ, ông B, ông N đã nộp xong án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Cần Thơ;
- VKSND Thành phố Cần Thơ;
- Công an Thành phố Cần Thơ;
- Sở Tư pháp Thành phố Cần Thơ;
- Cục THADS Thành phố Cần Thơ;
- Trại tạm giam Công an Thành phố Cần Thơ ;
- Trại tạm giam Công an Thành phố Cần Thơ (để tổng đạt cho bị cáo);
- Bị hại Trần Công Uy V, Châu Hòa B, Hồ Trung N;
- Lưu: VP, HS, 15b HQ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Trung Tuấn